

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HC-ST

Ngày 07 - 10 - 2019

V/v yêu cầu hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Tuyền

2. Bà Nguyễn Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Hoa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:

Bà Lâm Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 07 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2018/TLST-HC ngày 29 tháng 01 năm 2018 về việc Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HC ngày 31 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị S - Sinh năm 1945. Địa chỉ: Tổ 14, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Điện Q. Địa chỉ: Số nhà 301, đường N, tổ 12, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang (Văn bản ủy quyền số 48-SCC ngày 19/01/2018). Có mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố H (UBND)

Địa chỉ: Đường Trần Hưng Đ, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Người đại diện theo pháp luật cho Ủy ban nhân dân thành phố H: Bà Nguyễn Thị Phương L - Chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh P - Chức vụ: Phó Chủ tịch (Văn bản ủy quyền số 382/CVUQ-UBND ngày 21/3/2018). Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thị C. Địa chỉ: Số nhà 04, đường 19/5, tổ 14, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Cao Xuân H; Địa chỉ: đường Phạm H, tổ 7, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Chị Bùi Ngọc D. Địa chỉ: Tổ 12, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Điện Q. Địa chỉ: Số nhà 301, đường N, tổ 12, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang (Văn bản ủy quyền số 1228 ngày 20/4/2018). Có mặt.

4. Người làm chứng: Ông Hán Hồng S1; Địa chỉ: Tổ 14, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án người khởi kiện bà Nguyễn Thị S trình bày:

Ông Vũ Ngọc Đức và bà Nguyễn Thị S (ông Đức chồng bà S đã chết năm 2001) có khai phá được một mảnh đất từ năm 1963. Mảnh đất này được Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng dự án đường cầu Trắng - Hà Yên (Nay là đường 19/5) đo đạc và vẽ bản đồ cụ thể gồm các thửa: Thửa 89: Diện tích 78m²; Thửa 90: Diện tích 40m²; Thửa 91: Diện tích 30m²; Thửa 92: Diện tích 350m²; Thửa 93: Diện tích 72m²; Thửa 94: Diện tích 165m²; Tổng diện tích các thửa đất là: 735m² tại địa chỉ: Tổ 14, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang và sử dụng ổn định từ trước đến nay. Năm 1996, Nhà nước có chủ trương mở đường cầu Trắng - Hà Yên và đã thu hồi của gia đình bà tổng diện tích đất là 555m², theo Quyết định số 162/QĐ- UB ngày 10/02/1996 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang. Như vậy, sau khi thu hồi, gia đình bà vẫn còn diện tích đất là 180m² và vẫn sử dụng ổn định từ đó đến nay, hàng năm vẫn nộp thuế sử dụng đất cho nhà nước đầy đủ. Năm 2011 gia đình bà có làm đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà nước đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà diện tích đất được cấp là 62,7m², diện tích đất còn lại là 117,3m² gia đình bà chưa được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến tháng 7 năm 2017 bà mới được biết Ủy ban nhân dân thành phố H lấy 117,3 m² đất của gia đình bà để cấp cho bà Phạm Thị C. Bà S cho rằng Ủy ban nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR435197 cho bà C ngày 29/8/2014, thửa đất số: 127, tờ bản đồ số: 50, địa chỉ: Tổ 14, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, diện tích: 905,7m² là hoàn toàn trái pháp luật vì đã lấy

117.3m² đất của gia đình bà S khai phá năm 1963 đã được Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng công nhận và đo vẽ tại bản đồ kèm theo Quyết định số 162/QĐ-UB ngày 10/02/1996 của ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc giao đất mở đường cầu Trắng - Hà Yên và lấy 788.4m² đất của Công ty Chè Hà Giang giao cho bà C. Bà S đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR435197 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp cho bà Phạm Thị C ngày 29/8/2014.

Theo công văn số 383/UBND-TNMT ngày 21/3/2018 người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố H có ý kiến:

Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị C, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố H và các cơ quan chức năng thực hiện đúng trình tự, quy định của pháp luật. Hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà C đã được UBND phường N, thành phố H xác nhận gồm: Phiếu lấy ý kiến dân cư ngày 04/12/2011 đã tổ chức họp lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với thửa 127, tờ bản đồ 50 (VN - 2000), tổ 14, phường N, thành phố H. Tại cuộc họp các thành phần tham dự là những người cư trú tại địa bàn nhất trí thửa đất trên của bà C là đất phúc lợi của Công ty Chè Hà Giang giao cho gia đình sử dụng từ năm 1980 đến nay và không có tranh chấp; Hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của bà C niêm yết tại UBND phường không nhận được bất kỳ ý kiến, kiến nghị gì về việc cấp giấy chứng nhận cho bà C. UBND phường N xác nhận đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận của bà C nguồn gốc sử dụng đất được hưởng từ quỹ phúc lợi của Công ty Chè từ năm 1980, không có tranh chấp phù hợp với quy hoạch sử dụng đất.

Căn cứ vào các giấy tờ do UBND phường N xác nhận, phòng Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện việc kiểm tra hồ sơ và tham mưu trình UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị C tại tổ 14, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang theo đúng quy định. Để đảm bảo quyền và lợi ích của công dân UBND thành phố H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Theo bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị C trình bày:

Năm 1962 bà tham gia công tác tại Công ty chè Hà Tuyên, ở tại huyện Hoàng Su Phì. Năm 1969 bà chuyển ra công tác tại Công ty chè Hà Giang và cư trú tại tổ 7, phường N, thị xã H, tỉnh Hà Giang (Nay là tổ 14 phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang) và ở từ đó cho đến nay. Vào những năm 1980 ao cá của công ty chè được ông Nguyễn Bá N2 hiện trú tại tổ 14, phường N, thành phố H, tỉnh Hà

Giang, là người thuê ao nuôi và nộp sản cho Công ty chè Hà Giang. Năm 1986 ông N2 không canh tác nữa mà trả lại cho Công ty chè, khi đó do điều kiện đời sống khó khăn và là cán bộ của đơn vị công ty chè nên bà được nhận ao của Công ty chè Hà Giang nuôi cá có trả sản bằng cá hằng năm, sau đó trả bằng tiền nộp vào quỹ phúc lợi cho Công ty chè Hà Giang, khi đó ao có diện tích khoảng hơn 2.000m². Đến năm 1996 Công ty chè Hà Giang giải thể gia đình bà tiếp tục sử dụng ổn định và nộp thuế từ đó. Những năm 2000 nhà nước có mở đường (Đường 19/5, phường N, thành phố H hiện nay) đã thu hồi một phần diện tích đất ao để mở đường, phần diện tích đất ao còn lại gia đình bà tiếp tục quản lý, sử dụng ổn định. Sau khi làm đường xong bà Nguyễn Thị S có hỏi bà cho mượn ít đất trồng chuối cho trẻ con ăn và được bà đồng ý, đến khi gia đình bà đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho diện tích đất ao còn lại đó bà S đã nhận diện tích đất đã mượn trước đó là của nhà mình gây khó khăn cho gia đình bà trong việc cấp giấy chứng nhận. Để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2014 bà đã chấp nhận thỏa thuận với các hộ liên kề gồm nhà bà Nguyễn Thị S, ông Phùng Văn B và bà Nguyễn Thị T ký giáp ranh không tranh chấp và được nhiều người cùng công tác tại Công ty chè Hà Giang và hàng xóm xác nhận nguồn gốc đất, đến ngày 29 tháng 08 năm 2014 bà được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR435197 mang tên Phạm Thị C tại tổ 14, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang và sử dụng cho đến nay.

Năm 2017 bà Nguyễn Thị S đã cho ông Bùi Điện Q thực hiện việc làm nhà lên diện tích mượn trước đó và có lần chiếm một phần vào diện tích đất của bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay bà Nguyễn Thị S quyền khởi kiện quyết định của UBND thành phố H đã cấp đất cho bà, bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà S vì các lý do sau: Theo các tài liệu ông Bùi Điện Q cung cấp tại Tòa án thì biên lai thuế, bảng kê diện tích đất, sơ đồ thu hồi đền bù giải phóng làm đường 19/05... đã thể hiện nhà bà S có chồng là Đ (Đã chết) đã bị thu hồi hết diện tích đất; Về nguồn gốc đất bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên do bà được thừa hưởng từ quỹ đất phúc lợi của Công ty chè Hà Giang đã giải thể giao lại cho bà quản lý, sử dụng ổn định, lâu dài từ những năm 1986 cho đến nay và đã được UBND thành phố cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với sự làm chứng của những người công tác tại Công ty chè Hà Giang.

Ngày 23/3/2018 Bà C có đơn yêu cầu độc lập với nội dung đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang bác đơn yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị S và buộc ông Q, bà S tháo dỡ nhà ngôi nhà xây dựng trái phép và lấn chiếm đất của gia đình bà đang bị Ủy ban nhân dân phường N đình chỉ thi công và xử phạt hành chính đối với ông Q, bà S. Ngày 09/7/2018 bà C có đơn yêu cầu phản tố bổ sung với nội dung: Quá trình điều tra đã làm rõ người lấn chiếm và xây dựng nhà trên đất của bà là chị Bùi Ngọc D (Trú tại: Tổ 12, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang). Đề

ngợi Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị S đồng thời buộc chị Bùi Ngọc D tháo dỡ nhà ngôi nhà xây dựng trái phép và lấn chiếm đất của gia đình bà. Ngày 25/10/2018 bà C có đơn xin rút yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Theo bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Ngọc D trình bày:

Tháng 6/2016 chị được bố mẹ chị là ông Bùi Điện Q và bà Nguyễn Thị H cho tặng 01 thửa đất tại tổ 14, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Mảnh đất này trước đây là của cô ruột của mẹ chị là bà Nguyễn Thị S, sau khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất chị ủy quyền cho bố chị lập hồ sơ xin cấp phép xây dựng nhà ở và xây dựng nhà. Khi chuẩn bị tiến hành xây nhà ở bố chị có trao đổi với bà S về ranh giới đất để xây dựng. Bà S có chỉ rõ ranh giới cùng với bà T là người có đất liền kề thống nhất vị trí xây dựng. Không có sự tranh chấp đất đai với các hộ liền kề. Bà C cho rằng gia đình chị lấn chiếm đất của bà C khoảng 20m². Sự việc trên chị khẳng định số diện tích đất 20 m² phía sau nhà chị bố chị đã xây dựng đúng ranh giới theo sơ đồ đất được nhà nước đo vẽ năm 1996 của bà S giao cho và chỉ rõ ranh giới đất theo Quyết định số 162/QĐ-UB ngày 10/02/1996 của UBND tỉnh Hà Giang. Chị D đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang thẩm tra ranh giới đất của gia đình bà Nguyễn Thị S theo bản đồ trong hồ sơ thu hồi tại quyết định số 162/QĐ-UB ngày 10/02/1996 của UBND tỉnh Hà Giang; để đối chiếu với hiện trạng đất gia đình chị đã xây dựng theo ranh giới đất bà S chỉ dẫn để minh chứng cho gia đình chị là không chiếm đất của bà Phạm Thị C; Đề nghị cơ quan có chức năng đến hiện trường căn nhà số 15B đường 19/5, tổ 14, phường N, thành phố H xác định xem việc xây dựng nhà có đúng giấy phép xây dựng không; Phần diện tích đất phía sau gia đình chị xây dựng tường rào để bảo vệ đất có đúng ranh giới theo bản đồ đo vẽ của nhà nước theo QĐ số 162/QĐ-UB ngày 10/02/1996 không; Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang bác bỏ ý kiến không đúng sự thật của bà Phạm Thị C về việc cho rằng gia đình chị lấn chiếm đất của bà C.

Tại phiên tòa người khởi kiện vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (Bà Phạm Thị C) trình bày: Hộ bà Phạm Thị C đã tuân thủ các bước theo trình tự quy định của Luật Đất đai đối với việc xin cấp giấy chứng nhận QSD đất. Nay bà S khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất mà UBND thành phố H cấp cho bà C là không có căn cứ. Đề nghị HĐXX căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S, giữ nguyên quyết định đã ban hành của UBND thành phố H về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C ngày 29/8/2014; Buộc bà S phải chịu toàn

bộ chi phí đo đạc là 5.597.998,đ và số tiền 900.000,đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng hành chính, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Việc bà S cho rằng UBND thành phố H đã lấy 117,3m² đất của gia đình bà khai phá từ năm 1963 đã được Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng công nhận và đo vẽ tại Bản đồ kèm theo Quyết định số 162 ngày 10/02/1996 của UBND tỉnh là không có cơ sở.

Yêu cầu khởi kiện của bà S là không có căn cứ. Do vậy, căn cứ Điều 30, Điều 32; Điều 157; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206 Luật tố tụng hành chính; Điều 99, Điều 101; khoản 2 Điều 105 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai. Đề nghị HĐXX, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S; Về chi phí tố tụng, bà S phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định; Về án phí, do bà S là người cao tuổi, vì vậy căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 đề nghị miễn án phí hành chính sơ thẩm cho bà S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR435197 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp cho bà Phạm Thị C ngày 29/8/2014. Theo quy định tại Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính thì việc khởi kiện của bà S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

Tại phiên tòa người bị kiện UBND thành phố H và người làm chứng (Ông Hán Hồng S1) có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 157, Điều 158, Điều 159 Luật tố tụng hành chính. HĐXX tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị S yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR435197 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp cho bà Phạm Thị C

ngày 29/8/2014. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về nguồn gốc sử dụng diện tích 905,7m² đất thuộc thửa đất số 127, tờ bản đồ số 50 đất tại tổ 14, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang (cũ là tổ 09, thị xã H) trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BR435197 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp cho bà Phạm Thị C ngày 29/8/2014. Căn cứ vào ý kiến trình bày và các chứng cứ tài liệu do đương sự cung cấp, do Tòa án thu thập được thấy rằng nguồn gốc diện tích đất nêu trên vào khoảng năm 1980 là ao cá của Công ty chè được ông Nguyễn Bá N2 hiện trú tại tổ 14, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang là người thuê ao nuôi và nộp sản cho Công ty chè Hà Giang. Năm 1986 ông N2 không canh tác nữa trả lại cho Công ty chè, bà C được nhận ao của Công ty chè Hà Giang sử dụng và nộp sản cho Công ty đến khi Công ty chè Hà Giang giải thể (năm 1997) gia đình bà C tiếp tục sử dụng ổn định. Năm 1996 nhà nước thu hồi đất mở đường Cầu Trắng - Hà Yên (Đường 19/5, phường N, thành phố H hiện nay) đã thu hồi một phần diện tích đất ao để mở đường, phần diện tích đất ao còn lại gia đình bà tiếp tục quản lý, sử dụng ổn định được xác định tại thửa số 50 có diện tích 1.745 m²; thửa số 52 có diện tích 460 m² tờ bản đồ giải thửa năm 1983 của phường N, thị xã H và đứng tên trong sổ mục kê tại số thửa 50, 52 là đất Công ty chè quản lý. Tại tờ bản đồ địa chính số 43 lập năm 1997 được thể hiện tại các thửa 75, 76, 87 và tại Hồ sơ kỹ thuật thửa đất thể hiện thửa số 75 và thửa 87 đứng tên chủ sử dụng Trần Xuân D (Chồng bà Phạm Thị C), thửa số 76 là đất hoang.

[2.2] Xét việc bà S cho rằng Ủy ban nhân dân thành phố H đã lấy 117,3m² đất của gia đình bà S khai phá năm 1963 đã được Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng công nhận và đo vẽ tại bản đồ kèm theo Quyết định số 162/QĐ-UB ngày 10/02/1996 của ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc giao đất mở đường cầu Trắng - Hà Yên cấp cho bà C là không có cơ sở, bởi lẽ:

Theo nội dung Quyết định số 162/QĐ-UB ngày 10/02/1996 của ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc giao đất mở đường cầu Trắng - Hà Yên thể hiện thu hồi diện tích đất 22.258m² đất thuộc địa phận phường N, thị xã H (Không thể hiện diện đất hiện trạng, diện tích đất thu hồi của bà S).

Theo Bản đồ giao đất tuyến đường Cầu Trắng - Hà Yên thể hiện phần diện tích đất thu hồi của ông Đức là chồng S gồm thửa đất có số thứ tự 92, 94 với tổng diện tích 515m². Đối với các thửa có số thứ tự 89, 90, 91, 93 không ghi tên chủ sử dụng, không có căn cứ xác định thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà S. Tại Biên bản kiểm kê nhà cửa, cây cối hoa màu, vật kiến trúc của gia đình ông Vũ Ngọc Đ, về phần diện tích đất đang sử dụng không thể hiện tổng diện tích hộ ông Đ (chồng bà S) đang sử dụng diện tích bao nhiêu, chỉ xác định diện tích đang sử dụng nằm trong phạm vi thi công là 555m².

Tại Bản đồ giải thửa phường N năm 1983 thể hiện diện tích đất đứng tên ông Đ (chồng bà S) thửa số 51 là 420m² phù hợp với phần diện tích đất đứng tên ông Nguyễn Ngọc Đ tại số thửa 51 trong sổ mục kê. Tại Bản đồ địa chính số 43 lập năm 1997 và Hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập năm 1998 đều thể hiện diện tích đất đứng tên ông Đ (chồng bà S) tại tổ 09, phường N, thị xã H gồm 02 thửa đất với tổng diện tích đất 550,1m² (Thửa 79; thửa 107). Tại hồ sơ kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà S gồm có: Đơn trình bày nguồn gốc sử dụng đất ngày 02/3/2011 (BL 316) của bà S ghi rõ diện tích hiện nay còn là 63,3m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (có vị trí tiếp giáp: Phía Đông giáp đường 19/5 dài 9,9m, phía Tây giáp đất bà C dài 8,8m, phía Nam giáp đất bà C dài 6,5m, phía Bắc giáp đất bà T dài 7,0m); Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/7/2011 (BL 313) của bà S kê khai diện tích đăng ký quyền sử dụng là 63,3m²; Biên bản thẩm tra việc sử dụng đất ngày 18/9/2011 (BL 318) ghi rõ tổng diện tích hiện trạng sử dụng đất của bà S là 62,7m² (Có thể hiện sơ đồ hiện trạng thửa đất của bà S); Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 530693 do UBND thành phố H cấp cho bà S ngày 18/9/2012 thể hiện diện tích đất bà S tại thửa số 279, tờ bản đồ 50, địa chỉ đất tại tổ 14, phường N, thành phố H với diện tích được cấp là 62,7m² (Ngày 19/10/2015 bà S đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất cho ông Bùi Điện Q, bà Nguyễn Thị H; Ngày 14/7/2016 ông Q và bà H tặng cho toàn bộ diện tích đất cho chị Bùi Ngọc D). Ngoài ra bà S không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh diện tích đất 117,3m² thuộc quyền sử dụng của bà S.

Đối với diện tích đất 788,4m² bà S cho rằng UBND thành phố H đã lấy của Công ty chè cấp cho bà C, HĐXX xét thấy việc UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận cho bà C đối với diện tích đất như bà S trình bày không phải là đất thuộc quyền sử dụng của bà S, không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà S, vì vậy bà S không có quyền khởi kiện. Do đó HĐXX không xem xét.

[2.3] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Ủy ban nhân dân thành phố H là cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai tại địa phương theo thẩm quyền của pháp luật. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 105 Luật đất đai năm 2013 “*Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam*”, việc UBND thành phố H, tỉnh Hà Giang cấp số BR435197 ngày 29/8/2014 cho bà Phạm Thị C là đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật. Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo đúng theo quy định của Luật đất đai 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai.

Từ những phân tích trên, thấy rằng yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S là không có căn cứ. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR435197 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp cho bà Phạm Thị C ngày 29/8/2014.

[3] Về chi phí tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của bà S không có căn cứ chấp nhận, vì vậy bà S phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định. Do bà Phạm Thị C đã tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 900.000,đ và chi phí đo đạc là 5.597.998,đ. Tổng cộng là 6.497.998,đ; Buộc bà S phải trả lại cho bà C số tiền cho phí tố tụng là 6.497.998,đ.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị S là người cao tuổi, vì vậy miễn án phí cho bà S. Bà S được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000,đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30, Điều 32; Điều 157; Điều 158; Điều 159 điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206 Luật tố tụng hành chính; Điều 99, Điều 101; khoản 2 Điều 105 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR435197 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp cho bà Phạm Thị C ngày 29/8/2014.

2. Về chi phí tố tụng:

Bà S phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí đo đạc. Do bà Phạm Thị C đã tạm ứng chi phí toàn bộ là 6.497.998,đ. Buộc bà S phải trả lại cho bà C số tiền chi phí tố tụng là 6.497.998,đ (*Sáu triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi tám đồng*).

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị S được miễn nộp tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Trả lại cho bà S số tiền tạm ứng án phí 300.000,đ (*Ba trăm nghìn đồng*) bà đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang theo Biên lai thu số 026441 ngày 29/01/2018.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho người khởi kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Vân

